TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113 /2025/ DS-ST
Ngày: 15 - 5 - 2025
V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **NGUYỄN VĂN TÁM**
2. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**
- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Bà **HUỲNH THỊ CẨM**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim L**, sinh ngày 28/02/1991.
Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
Chổ ở hiện nay: ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị V**(tên gọi khác **Trần Thị Tuyết N**), sinh ngày 17/9/1982
Nơi cư trú: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn H**(tên gọi khác **Mừng**), sinh ngày 15/5/1976
Nơi cư trú: tổ 1, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L tại đơn khởi kiện trình bày: Do là chổ quen biết nên ngày 24/11/2024 chị cho chị V mượn 3.860.000.000 đồng. Chị V làm

giấy nợ làm tin, theo đó chị V 07 ngày sau khi ký giấy nợ thì trả bớt cho chị 300.000.000đồng và chị V đã trả 300.000.000 đồng. Ngoài ra, trong giấy nợ còn ghi thêm phần tiền nợ còn lại hàng tháng chị V sẽ trả chị 10.000.000đồng và nếu chị V làm dư bao nhiêu thì gởi thêm so với số tiền 10.000.000đồng. Đến nay chị V trả chị 03 lần với số tiền 30.000.000đồng. Chị yêu cầu chị V trả cao hơn số tiền 10.000.000 đồng/ tháng nhưng chị V không thực hiện. Chị yêu cầu chị V trả 3.530.000.000đồng làm 01 lần ngay án có hiệu lực pháp luật.

Tai biên bản hoà giải chị L trình bày: Trong quá trình nộp đơn khởi kiện chị V trả chị thêm 10.000.000đồng. Giữa chị, chị V, ông H có thoả thuận mỗi tháng ông H đưa chị 10.000.000đồng, đó là tiền chị V phụ chị trả lãi ngân hàng chứ không phải trả tiền gốc, ông H đã trả chị 40.000.000 đồng. Chị xác định hiện chị V còn nợ chị 3.520.000.000 đồng, chị không đồng ý cấn trừ số tiền ông H trả vào tiền gốc.

Tại phiên toà, chị L trình bày số tiền 10.000.000 đồng thoả thuận trả vào ngày 24 dương lịch hàng tháng. Từ ngày 24/12/2024 chị V trả được 03 lần đúng hạn, đến ngày 24/3/2025 chị V không trả nên chị khởi kiện ra Toà án. Sau khi khởi kiện ra Toà án thì chị V trả được 02 lần là ngày 05/4/2025 và 05/05/2025 số tiền 20.000.000đồng. Như vậy hiện chị V còn nợ chị 3.510.000.000 đồng, chị cho chị V trả số tiền trên mỗi tháng 50.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 24/6/2025 đến khi xong nợ.

- Bị đơn chị Trần Thị V tại tờ tự khai trình bày: Chị thừa nhận chỉ thiếu chị L 3.350.000.000đồng. Lúc viết biên nhận chị L cho chị trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng. Chị xin tiếp tục trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Tại biên bản hoà giải chị V trình bày: Biên nhận ngày 24/11/2024 do chị viết, ký tên, chị hẹn 07 ngày sau trả 300.000.000đồng, đã trả chị L. Và hàng tháng có thoả thuận chị trả 10.000.000đồng, tháng nào có dư chị sẽ trả thêm. Sau đó chị trả chị L thêm 40.000.000đồng, ông H trả chị L 160.000.000đồng(cấn trừ nợ qua chị L) là chị còn nợ 3.360.000.000 đồng. Chị xin mỗi tháng trả 10.000.000đồng đến khi hết nợ, nếu tháng nào có nhiều hơn thì đưa thêm.

Tại phiên toà, chị V thừa nhận lời trình bày chị L tại phiên toà về số tiền, thời gian trả tiền của chị. Hiện chị còn nợ chị L 3.510.000.000 đồng chị xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng từ ngày 05/6/2025 đến khi xong nợ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày: Giữa ông với chị L, chị V có thoả thuận như sau: Ông có thiếu chị V 160.000.000 đồng, hàng tháng thay vì trả tiền cho chị V thì ông sẽ trực tiếp đưa cho chị L 10.000.000 đồng cho đến khi hết 160.000.000 đồng để chị L trả lãi ngân hàng, chị V có mặt và không có ý kiến gì. Ông đã đưa chị L 04 lần là 40.000.000 đồng.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự tuân thủ đúng qui định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay còn thiếu. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo qui định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Sự thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên toà chị L yêu cầu chị V trả 3.510.000.000 đồng, chị cho chị V trả số tiền trên mỗi tháng 50.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 24/6/2025 đến khi xong nợ. Xét thấy, sự thay đổi trên không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu phù hợp điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về nội dung: Tại phiên toà, chị V thừa nhận biên nhận ngày 24/11/2024 là cho chị viết, ký tên. Trong quá trình thực hiện việc trả tiền vay cho chị L, chị có vi phạm thời gian trả tiền vào ngày 24/3/2025 nên chị L có khởi kiện chị ra Toà án. Sau khi chị L khởi kiện, chị đã trả chị L thêm 02 tiền là 20.000.000 đồng. Hiện còn nợ chị L 3.510.000.000 đồng tiền vay. Lời thừa nhận của chị V là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, số tiền nợ 3.680.000.000đồng của chị V được chị L cho chị V vay làm nhiều lần trước ngày 24/11/2024, đến ngày 24/11/2024, 02 bên tiến hành tổng kết nợ, chị V viết biên nhận nợ xác định chị nợ chị L 3.680.000.000 đồng, chị L cũng cho chị V trả tiền hàng tháng với với tiền 10.000.000đồng/ tháng. Tuy nhiên, chị V vẫn không thực hiện việc trả tiền đúng hạn cho chị L, dẫn đến quyền lợi của chị L bị xâm phạm. Do đó, chị L khởi kiện chị V là có cơ sở chấp nhận. Tại phiên toà, chị L cho chị V trả dần mỗi tháng 50.000.000đồng đến khi trả xong 3.510.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện cũng như tạo điều kiện cho chị V có thời gian trả nợ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí: Chị V phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của chị L được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/ NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Chị có đơn xin miễn giảm tiền án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên Hội đồng xét xử giảm 50% án phí cho chị.

[4] Xét, lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L.

Buộc chị Trần Thị V trả chị Nguyễn Thị Kim L số tiền 3.510.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Kim L cho chị Trần Thị V trả 3.510.000.000 đồng bằng hình thức trả dần mỗi tháng 50.000.000 đồng, thực hiện vào ngày 24 dương lịch hàng tháng. Bắt đầu thực hiện từ ngày 24/6/2025 đến khi xong nợ.

Nếu ngày 24 dương lịch hàng tháng trùng vào ngày nghĩ theo Luật lao động thì việc trả tiền thực hiện vào ngày làm việc kế tiếp.

2. Về án phí:

2.1. Chị Trần Thị V phải chịu 51.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn lại chị Nguyễn Thị Kim L 51.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016730 ngày 02/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị V chậm thi hành đối với khoản tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRẦN TÚ ANH